

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày 28 - 12- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Vy;
- Ông Vũ Ngọc Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Khánh Phương - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Dư Văn Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2023, tại Phòng xử án hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2023/TLST-HS ngày 24/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 65/2023/QĐXXST-HS ngày 15/12/2023 đối với các bị cáo:

1. **Vương Thị H**, sinh ngày 08/8/1993 tại: Xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; chứng minh nhân dân số: 073556165, ngày cấp: 03/4/2017, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002193002814, ngày cấp: 14/4/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn T2, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vương Quốc P, sinh năm 1967 và bà Vi Thị S, sinh năm 1964; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 30/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. **Vi Văn M**, sinh ngày 08/9/1990 tại: Xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002090010370, ngày cấp: 20/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vui Chu C và bà Vàng Thị D (đều đã chết); có vợ là Châu Thị T, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 30/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. **Vùi Phù X**, sinh ngày 18/4/1993 tại: Xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002093007174, ngày cấp: 17/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vùi Chúng Q (đã chết) và bà Cháng Thị T, sinh năm 1960; có vợ là Vàng Thị H, sinh năm 1999 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 30/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo:

- *Người bào chữa cho bị cáo Vương Thị H:* Bà Bùi Thị Hà, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vi Văn M và Vùi Phù X:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Ông Cao Xuân Bé, Luật sư, Văn phòng Luật sư Cao Xuân Bé thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 258, đường Lý Tự Trọng, tổ 01, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Chấu Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Chị Cừ Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- ***Người làm chứng:*** Chị Chảo Thị N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5 năm 2023, Chảo Thị N sinh năm 1983, trú tại thôn L, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang đang sinh sống tại huyện Malypho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc có nhu cầu muốn trở về Việt Nam để làm căn cước công dân và thăm thân. N xin được số điện thoại Wechat có địa chỉ ID: huong 817217 của Vương Thị H, sinh năm 1993, trú tại thôn T2, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang thông qua một người phụ nữ dân tộc Mông (chưa xác định được tên) lấy chồng bên Trung Quốc. Sau đó N gọi điện cho H qua Wechat nói muốn về Việt Nam thăm gia đình và hỏi H có đưa N về Việt Nam được không, H bảo để H hỏi đã.

H gọi điện thoại cho Vi Văn M, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã C (là em trai ruột của mẹ H) hỏi M có dẫn người từ Trung Quốc về Việt Nam được không, M nói để M hỏi đã. Sau đó, M gọi điện thoại cho Vùi Phù X, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã C, huyện Q hỏi X có tìm được người dẫn người bên Trung Quốc về đến biên giới được không, X nói để X hỏi xem thế nào đã. X gọi Wechat cho một người đàn ông Trung Quốc (X gọi bằng chú) đang sinh sống bên Trung Quốc (X chưa gặp mặt, chỉ kết bạn với nhau qua Wechat) hỏi có dẫn đường đưa người bên Trung Quốc đến biên giới được không thì người đàn ông này đồng ý và yêu cầu tiền công đưa người đến biên giới là 700NDT (Bảy trăm nhân dân tệ). X gọi điện nói cho M biết, M đồng ý đồng thời M gọi điện cho H nói đã tìm được người dẫn đường bên Trung Quốc, tiền công dẫn người vượt biên cả bên Trung Quốc và Việt Nam là 2000NDT (Hai nghìn nhân dân tệ), H đồng ý. Sau đó, H sử dụng mạng xã hội Wechat với địa chỉ id: huong 817217 gọi cho N báo chi phí nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam là 3.000NDT (Ba nghìn nhân dân tệ), N đồng ý và nói chồng của N là Lý Sử A sẽ liên lạc với H và chuyển tiền cho H. H gửi id Wechat của N cho M để M tự liên lạc, M đồng ý và thống nhất với H sau khi đón được người M sẽ đưa N đến cuối thôn C giao cho H. M gửi số Id Wechat của N cho X, X tiếp tục gửi cho người đàn ông (Chú của X) bên Trung Quốc để liên lạc đón N.

Đến khoảng 16 giờ ngày 13/5/2023, Lý Sử A chồng của N gọi qua Wechat cho H nói sẽ chuyển trước cho H 2000NDT (Hai nghìn nhân dân tệ) tiền công đưa N về Việt Nam, khi nào N về tới Việt Nam sẽ chuyển tiếp 1000NDT (Một nghìn nhân dân tệ), H đồng ý. Một lúc sau H nhận được thông báo trên Wechat là đã nhận được 2000NDT (Hai nghìn nhân dân tệ). H gọi điện thoại cho M thông báo đã nhận được tiền công. Sau đó X nhận được cuộc gọi qua Wechat của ông chú bên Trung Quốc hẹn X là khoảng 20 giờ ngày 13/5/2023 sẽ đưa N đến mốc 295, biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thuộc địa phận thôn C, xã C, huyện Q. Sau đó X gọi điện báo cho M biết để đi đón người. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, M điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, BKS: 23L1-088.56 đi đến nhà X, gọi X cùng đi, khi đi lên gần mốc 295 thì M dừng xe và để ở cạnh đường cùng X đi bộ về hướng mốc 295. Trên đường đi, M đưa cho X 700NDT (Bảy trăm nhân dân tệ) nói là tiền công của ông chú bên Trung Quốc. M hứa sẽ trả tiền công đón người cho X là 500NDT (Năm trăm nhân dân tệ) và M sẽ đưa sau. Đến khoảng 20 giờ, M và X đi bộ theo đường rừng tới mốc 295, cả hai nhìn thấy một người đàn ông Trung Quốc (không quen biết) cùng N đang đứng bên kia hàng rào biên giới phía Trung Quốc. Sau khi gặp nhau N chui qua phía dưới chân hàng rào sang Việt Nam, X lấy 700NDT (Bảy trăm nhân dân tệ) đưa qua hàng rào cho người đàn ông Trung Quốc (lúc này có bóng điện chiếu sáng nên nhìn thấy nhau). Sau khi đón được N, M gọi điện thông báo cho H biết và hẹn giao người cuối thôn C, H đồng ý. M cùng X dẫn N đi đến chỗ để xe máy của M. Đến nơi X đi bộ về nhà còn M điều khiển xe máy BKS: 23L1-088.56 đưa N đến cuối thôn C, xã C. Vương Thị H điều khiển xe máy biển kiểm soát 23L1 – 089.81 của Cư Thị H1 (chị dâu của H) đi đến cuối thôn C thì gặp M và N, lúc này

khoảng 21 giờ 30 phút. M bảo N sang xe H ngồi, rồi M đi về, còn H điều khiển xe máy chở N đi về nhà chị gái ruột là Vương Thị H, sinh năm 1986, trú tại T2, xã C, huyện Q (*cách nhà H khoảng 2km*) khi về đến nhà H2, lúc này H2 đã đi ngủ. H đưa N vào nhà H2 mỗi người ngủ một phòng (*vì trước đó H đã xin phép H2 đưa một người bạn về ngủ nhờ, H2 đồng ý*). Đến khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 14/5/2023, chồng của N gọi điện cho H hỏi đã đón được N chưa. H bảo đã đón được rồi nên chồng của N chuyển nốt 1000NDT (*Một nghìn nhân dân tệ*) tiền công qua Wechat cho H. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày H sử dụng xe máy chở N đi từ nhà H2 đến khu vực đường Quốc lộ thuộc địa phận xã Q, huyện Q để bắt xe khách cho N về huyện Y, H bắt xe cho N xong và trả tiền cước xe cho N là 70.000 đồng (*Bảy mươi nghìn đồng*) rồi đi về nhà H. Sau khi về nhà, H chuyển 3000NDT (*Ba nghìn nhân dân tệ*) từ tài khoản Wechat của H vào tài khoản ngân hàng Trung Quốc (*không nhớ số tài khoản*) của bạn H tên là Zhang Zhao Xiang, sinh năm 1996, nữ giới, người Trung Quốc (*không rõ địa chỉ quen nhau vì trước đây cùng làm thuê bên Trung Quốc*) để nhờ Zhang Zhao Xiang rút tiền và chuyển tiền mặt cho H qua cửa khẩu T, huyện V. Nhưng sau khi chuyển tiền xong H không liên lạc được với Zhang Zhao Xiang nữa. Khoảng 10 ngày sau, H gọi cho M hẹn xuống cuối thôn C để lấy tiền. Khi gặp nhau H đưa cho M 2.000NDT (*Hai nghìn nhân dân tệ*) tiền công tổ chức cho N nhập cảnh trái phép. M nhận tiền rồi đi về nhà gọi điện cho X bảo xuống nhà lấy tiền, M đưa cho X 500NDT (*Năm trăm nhân dân tệ*) tiền công và trừ đi 700NDT M đã ứng trước đưa cho người đàn ông Trung Quốc (chú của X) do đó M chỉ được hưởng lợi 800NDT từ việc tổ chức cho N nhập cảnh trái phép. Quy đổi ra Việt Nam đồng $800\text{NDT} \times 3.397\text{VNĐ} = 2.717.000^d$ (*Hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng*). X được hưởng lợi 500NDT, quy đổi ra Việt Nam đồng $500\text{NDT} \times 3.397\text{VNĐ} = 1.698.000^d$ (*Một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng*); H được hưởng lợi 1000NDT, quy đổi ra Việt Nam đồng $1000\text{NDT} \times 3.397\text{VNĐ} = 3.397.000$ đồng (*Ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng*), trừ đi H đã trả tiền xe khách cho N 70.000đồng nên số tiền H được hưởng lợi là **3.327.000** đồng (*Ba triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Cáo trạng số 29/CT-VKSHG-P1 ngày 23/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Vương Thị H, Vi Văn M và Vùi Phù X về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi Tổ chức cho Chảo Thị N sinh năm 1983, trú tại thôn L, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang đang sinh sống tại Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để làm căn cước công dân và thăm người thân; các bị cáo đã nhận tiền công từ chồng N chuyển số tiền là 3000NDT, trong đó (*Bị cáo H được nhận số tiền 1000NDT, bị cáo M được nhận số tiền 800NDT, bị cáo X được nhận số tiền 500NDT*). Các bị cáo đều nhất trí với toàn bộ nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Châu Thị T trình bày, chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng chị, hiện nay là tài sản duy nhất có giá trị và cũng là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình để đưa các cháu đi học tại điểm trường và sinh hoạt gia đình; việc chồng chị là Vi Văn M sử dụng chiếc xe máy trên để thực hiện hành vi phạm tội chị không được biết; gia đình chị thuộc diện hộ nghèo; tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị và gia đình chiếc xe máy để sử dụng.

Chị Cư Thị H1 trình bày, chiếc xe máy là quyền sở hữu hợp pháp của chị, chị có giao cho bố chồng là ông Vương Quốc P để sử dụng đưa đón các cháu đi học; trong quá trình bị cáo H mượn xe ông P để đi thực hiện hành vi phạm tội chị và ông P không biết; đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe máy trên cho chị và gia đình sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà luận tội các bị cáo, vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; hậu quả của tội phạm; vai trò của từng bị cáo tham gia trong vụ án; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, đề nghị HĐXX:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vương Thị H, Vi Văn M và Vui Phù X phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Vương Thị H từ 13 tháng đến 15 tháng tù;

- Xử phạt các bị cáo Vi Văn M và Vui Phù X mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 03 chiếc điện thoại di động; 01 xe mô tô biển kiểm soát 23L1-088.56, nhãn hiệu Honda, xe cũ đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004328 cấp ngày 26 tháng 10 năm 2017 mang tên Vi Văn M, do Công an huyện Quản Bạ cấp.

- Trả lại cho chị Cư Thị H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu sơn Đen - Đỏ, biển kiểm soát 23L1-089.81, dung tích xi lanh 109, số khung RLHJA364XGY068380, số máy JA36E0540791, xe cũ đã qua sử dụng do ông Vương Quốc P (bố của bị cáo H) giao nộp.

4. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; tuyên truy thu toàn bộ số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, trong đó: (Bị cáo Vương Thị H số tiền 3.327.000 đồng, bị cáo Vi Văn M số tiền 2.717.000 đồng, bị cáo Vui Phù X số tiền 1.698.000 đồng).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo

Trong phần tranh luận, bà Bùi Thị Hà, Nguyễn Thị Lan - Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư Cao Xuân Bé là những người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Nhất trí cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang đối với các bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo mức thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị xử phạt bị cáo Vương Thị H mức khởi điểm của khung hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo M, X đề nghị áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Vi Văn M và Vui Phù X mức khởi điểm của khung hình phạt; đề nghị trả lại chiếc xe máy cho gia đình bị cáo Vi Văn M.

Các bị cáo nhất trí quan điểm đề nghị của người bào chữa, nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không tham gia tranh luận gì thêm.

Phần đối đáp Viện Kiểm sát: Không nhất trí với quan điểm của người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo Vương Thị H mức khởi điểm, vì bị cáo H là người khởi xướng, chủ mưu và thực hiện tích cực nhất; không nhất trí áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo M, X; không nhất trí trả lại chiếc xe máy cho gia đình bị cáo M, lý do chiếc xe máy bị cáo M đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội chở Chảo Thị N nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, kính mong HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo Vui Phù X đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo nên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng, sau khi có ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

HĐXX thảo luận, xét thấy người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án, căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên toà các bị cáo Vương Thị , Vi Văn M và Vui Phù X xác nhận nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng với diễn biến hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, không bổ sung gì thêm. Xét thấy: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố không mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng giữa tháng 5 năm 2023, Chảo Thị N đang sinh sống bên Trung Quốc có nhu cầu nhập cảnh về Việt Nam để thăm người thân và làm các giấy tờ cá nhân. Qua tìm hiểu thì được người bạn bên Trung Quốc cho số Wechat của Vương Thị H để liên hệ hỏi cách về Việt Nam. Sau đó N gọi qua Wechat cho H để thuê H đưa N nhập cảnh Việt Nam trái phép thì được H đồng ý và thỏa thuận tiền công đưa N nhập cảnh Việt Nam là 3000NDT. Sau đó H gọi cho bị cáo Vi Văn M để hỏi M có quen ai để đón N từ bên Trung Quốc và đưa đến biên giới không, M bảo để hỏi đã. M gọi cho Vui Phù X hỏi có biết ai bên Trung Quốc đón N ở bên Trung Quốc rồi đưa đến biên giới không. X bảo có ông chú họ bên Trung Quốc đón được N và đưa đến biên giới, tiền công là 700NDT, M đồng ý. Đến ngày 13/5/2023 Vương Thị H, Vi Văn M và Vui Phù X đã tổ chức cho Chảo Thị N nhập cảnh trái phép qua mốc 295, thuộc thôn C, xã C, huyện Q. Các bị cáo đã được hưởng lợi số tiền 2.300 NDT, được quy đổi ra tiền Việt Nam: Bị cáo Vi Văn M được hưởng lợi 800NDT tương ứng số tiền là **2.717.000 đồng**, bị cáo Vui Phù X được hưởng lợi 500 NDT tương ứng số tiền là **1.698.000 đồng**, bị cáo Vương Thị H được hưởng lợi 1000NDT tương ứng số tiền là **3.327.000 đồng**.

[5] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là vi phạm pháp luật; song với động cơ, mục đích vụ lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, tổ chức cho Chảo Thị N nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính của nhà nước về lĩnh vực xuất, nhập cảnh, quyền tự do cư trú của công dân, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới Việt – Trung. Hành vi của các bị cáo Vương Thị H, Vi Văn M và Vui Phù X đã phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự; có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vương Thị H, Vi Văn M, Vui Phù X trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã

hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp, thuộc diện hộ nghèo nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; tại phiên tòa các bị cáo đều đề nghị được nộp tiền thu lợi bất chính; nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[8] Về vai trò của các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Trong đó, bị cáo Vương Thị H giữ vai trò là người khởi xướng, chủ mưu, đồng thời là người thực hành; khi được Chảo Thị N liên hệ qua điện thoại và biết N có nguyện vọng trở về Việt Nam, H đã nhận lời đưa N nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; H là người chủ động liên lạc, móc nối với bị cáo Vi Văn M để tìm cách đưa Niềm nhập cảnh trái phép; sau khi M đưa được N qua biên giới bị cáo đã đón N và tiếp tục đưa N đi sâu vào trong nội địa Việt Nam và được hưởng lợi số tiền nhiều nhất; nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Vi Văn M khi được H liên lạc đặt vấn đề về việc cùng tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, M đã đồng ý và chủ động móc nối với Vui Phù X để tìm người đưa N qua biên giới và nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; M cùng với X là người trực tiếp đưa N từ hàng rào biên giới nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, dùng xe máy chở N giao cho H và được hưởng lợi số tiền nhiều thứ hai, được xác định giữ vai trò là người thực hành tích cực thứ hai. Đối với Vui Phù X, khi được M liên lạc bị cáo đã gọi điện cho người chú ở bên Trung Quốc để giúp đưa N đến địa phận Việt Nam - Trung Quốc, cùng với X đưa N nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và được hưởng lợi số tiền ít nhất, nên được xác định giữ vai trò thứ ba trong vụ án. HĐXX áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự về đồng phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với từng bị cáo.

[9] Về hình phạt: Với tính chất, mức độ, hậu quả về hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nhận định nêu trên, xét thấy cần áp dụng Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt và tù có thời hạn để xử phạt các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo, răn đe đối với người phạm tội và đấu tranh, phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống và cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định, thuộc hộ nghèo; do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[11] Xử lý vật chứng: HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết như sau:

[12] Đối với 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo: 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo, màu tím than, máy cũ đã qua sử

dụng, lắp sim số 0328007690 thu giữ của bị cáo Vi Văn M; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng, lắp sim số 0379268022 thu giữ của bị cáo Vui Phù X; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vivo, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng, lắp sim số 0365184831 thu giữ của bị cáo Vương Thị H, các bị cáo đã sử dụng để liên lạc với các đồng phạm để tổ chức cho Chảo Thị N nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, 03 chiếc điện thoại này là đồ điện tử, mau hỏng, các bị cáo mua với số tiền không lớn và không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[13] Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 23L1-088.56, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn Đen - Xanh, dung tích xi lanh 109, số khung RLHJA380XGY035406, số máy JA38E0156412, xe cũ đã qua sử dụng, kèm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004328 cấp ngày 26 tháng 10 năm 2017 mang tên Vi Văn M, do Công an huyện Quản Bạ cấp, bị cáo M đã sử dụng chiếc xe này vào việc chở Chảo Thị N từ biên giới vào sâu nội địa Việt Nam. Tại phiên tòa, bị cáo Mai và chị Châu Thị T (vợ của bị cáo) đều trình bày đây là tài sản chung của hai vợ chồng, có giá trị cao nhất và là phương tiện đi lại duy nhất của cả gia đình để đưa đón các cháu đến điểm trường học tập, sinh hoạt gia đình; hiện nay gia đình thuộc diện hộ nghèo, nếu tịch thu chiếc xe máy thì gia đình gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, nên cần xem xét tạo điều kiện cho gia đình chị T và tuyên trả lại cho chị T chiếc xe máy nêu trên.

[14] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu sơn Đen - Đỏ, biển kiểm soát 23L1-089.81, dung tích xi lanh 109, số khung RLHJA364XGY068380, số máy JA36E0540791, xe cũ đã qua sử dụng là tài sản của chị Cư Thị H1, được bị cáo H dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, khi H lấy chiếc xe này để sử dụng, chị Cư Thị H2 là chủ sở hữu xe và ông Vương Quốc P là người đang trực tiếp quản lý chiếc xe máy tại thời điểm đó không biết bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên trả lại xe máy cho chủ sở hữu hợp pháp chị Cư Thị H2.

[15] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã được hưởng lợi từ việc tổ chức cho Chảo Thị N nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cụ thể: Bị cáo H được hưởng lợi số tiền 3.327.000 đồng, bị cáo M được hưởng lợi số tiền 2.717.000 đồng, bị cáo X được hưởng lợi số tiền 1.698.000 đồng (tiền Nhân dân tệ đã được quy đổi sang tiền Việt Nam đồng). Đây là tiền thu lợi bất chính do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, HĐXX tuyên truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[16] Trong vụ án này còn có một số người liên quan gồm:

[17] Đối với Lý A S chồng của Chảo Thị N, người phụ nữ tên Zhang Zhao Xiang và người đàn ông Trung Quốc (chú của X): Quá trình điều tra xác định đây là những người có quốc tịch nước ngoài. Cơ quan điều tra không đủ điều kiện để xác minh những người trên. Do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý trong vụ án này; nên HĐXX không xem xét.

[18] Đối với chị Vương Thị H2: Quá trình điều tra xác định được Vương Thị H2 có đồng ý cho H và N ngủ tại nhà H2 một đêm, nhưng H không nói cho H2 biết việc mình tổ chức cho N nhập cảnh trái phép mà chỉ nói là có người bạn xin cho ngủ nhờ, H2 cũng không hỏi lại mà do tình cảm chị em nên H2 đồng ý. Do đó cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với H2 là có căn cứ.

[19] Đối với Chảo Thị N Cơ quan ANĐT căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 144/2021/NĐ-CP Nghị định của Chính phủ đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69/QĐ-XPHC ngày 26/5/2023 đối với Chảo Thị N số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) về hành vi qua lại Biên giới quốc gia không làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định là đúng quy định của pháp luật.

[20] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Vương Thị H, Vi Văn M, Vui Phù X về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” là đúng người, đúng tội; nội dung luận tội và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt, xử lý một số vật chứng, án phí đối với các bị cáo là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, HĐXX không chấp nhận việc đề nghị tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo và 01 chiếc xe máy thu giữ của bị cáo Vi Văn M.

[21] Quan điểm đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo H đề nghị xử phạt bị cáo H mức khởi điểm của khung hình phạt là thấp chưa tương xứng với vai trò của bị cáo trong vụ án; quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo M, X đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đúng với quy định của pháp luật, nên không được HĐXX chấp nhận.

[22] Về án phí: Tại phiên tòa, các bị cáo có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[23] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299, 106, 136, 329, 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vương Thị H, Vi Văn M, Vui Phù X phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vương Thị H **14 (Mười bốn)** tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2023.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn M **13 (Mười ba)** tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2023.

- Xử phạt bị cáo Vui Phù X **12 (Mười hai)** tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2023.

3. Biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính do phạm tội mà có, cụ thể:

- Truy thu của bị cáo Vương Thị H số tiền 3.327.000 đồng (*Ba triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

- Truy thu của bị cáo Vi Văn M số tiền 2.717.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng*).

- Truy thu của bị cáo Vui Phù X số tiền 1.698.000 đồng (*Một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị, không sử dụng được gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo, màu tím than, lắp sim số 0328007690, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (thu giữ của bị cáo Vi Văn M);

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, màu xanh, lắp sim số 0379268022, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại thu giữ của bị cáo Vui Phù X);

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, màu xanh, lắp sim số 0365184831 điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (thu giữ của bị cáo Vương Thị H).

4.2. Trả lại cho chị Châu Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang:

- 01 xe máy, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn Đen xanh, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23L1-088.56; có số khung RLHJA380XGY035406, số máy JA38E0156412, có dung tích xi lanh 109, xe không có gương bên phải (xe của bị cáo Vi Văn M);

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004328 cấp ngày 26 tháng 10 năm 2017, mang tên Vi Văn M, do Công an huyện Q cấp.

4.3. Trả lại cho chị Cư Thị H1, sinh năm 1992; địa chỉ thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu sơn đen đỏ, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23L1-089.81, có số khung RLHJA364XGY068380, số máy JA36E0540791, có dung tích xi lanh 109, xe không có gương bên trái (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe của Cư Thị H1).

Đặc điểm và tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2023 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Vương Thị H, Vi Văn M, Vui Phù X.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC02, PV06, PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan

